

*Vũng Liêm, ngày 20 tháng 5 năm 2020*

Số: 23/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 305/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*- Nguyên đơn:*

1. Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Văn H là anh **Trần Văn B**, sinh năm 1968 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 12 tháng 12 năm 2019)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*- Bị đơn:* Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đường Thị P**, sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

3. Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu công nghiệp M, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: khu công nghiệp M, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Văn B, chị Trần Thị T là anh **Trần Văn B**, sinh năm 1968 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 09 tháng 01 năm 2020)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp B, xã Trung H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Văn H, anh Trần Văn B và chị Trần Thị T là anh Trần Văn B, chị Trần Thị Kim H, anh Trần Văn L, bà Đường Thị P, chị Trần Thị N, anh Trần Văn T là hàng thừa kế của ông Trần Văn Đ thống nhất thỏa thuận: giao phần đất thửa 202 tờ bản đồ số 14 diện tích 2.009m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 705864, số vào sổ cấp GCN: CH02759 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Uỷ ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp và thửa 203 tờ bản đồ số 14 diện tích 2.103,2m<sup>2</sup> đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 705865, số vào sổ cấp GCN: CH02760 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Uỷ ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp, tổng diện tích thửa 202 và thửa 203 là 4.112,2m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn Đ và bà Đường Thị P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất giao cho anh Trần Văn L quản lý sử dụng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Trần Văn L có trách nhiệm chia cho bà Đường Thị P một phần thừa kế là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chia cho anh Trần Văn H một phần thừa kế là 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), chia cho chị Trần Thị Kim H một phần thừa kế là 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Đường Thị P, chị Trần Thị N, anh Trần Văn T, anh Trần Văn B, anh Trần Văn B, chị Trần Thị T, anh Trần Văn H, anh Trần Văn L và chị Trần Thị Kim H có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn L theo quy định của pháp luật.

- *Ấn phí dân sự sơ thẩm:*

Miễn án phí cho bà Đường Thị P vì bà P là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Anh Trần Văn H có trách nhiệm nộp 937.500đ (Chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.518.000đ (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0007805 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả cho anh H 580.500đ (Năm trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Chị Trần Thị Kim H có trách nhiệm nộp 937.500đ (Chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.518.000đ (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0007813 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả cho chị H 580.500đ (Năm trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Anh Trần Văn L có trách nhiệm nộp 937.500đ (Chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Huỳnh Văn Vui**